

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn học phí cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về Cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí học kỳ 1, năm học 2024 - 2025 cho 70 sinh viên.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên, Thanh tra Đào tạo, Giám đốc Phân hiệu Long An, khoa đào tạo có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Ước*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: TC-HC, CTCT&HSSV.My

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ước
Cao Anh Tuấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3136 /QĐ-ĐHSP, ngày 14 tháng 10 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NGÀNH HỌC	ĐỐI TƯỢNG
1	47.01.106.043	Lê Công	Đức	11/02/2003	Hoá học	NVQT
2	47.01.612.023	Nguyễn Xuân	Đạt	28/01/2003	CT Xã hội	CTB
3	47.01.754.166	Lý Hà	My	19/04/2003	NN Trung Quốc	CTB
4	47.01.901.316	Vương Thiệu	Vy	06/11/2003	GD Tiểu học	CTB
5	47.01.607.103	Trần Kim	Thảo	25/09/2003	Việt Nam học	MCCM
6	47.01.614.123	Nguyễn Võ Thuý	Vy	14/02/2003	Tâm lý học	MCCM
7	47.01.754.286	Phạm Thị Doan	Trang	17/07/2003	NN Trung Quốc	MCCM
8	47.01.753.108	Cù Thị Hồng	Nhi	27/11/2003	NN Pháp	SVKT
9	47.01.904.009	Hồ Ngọc	Phuong	29/11/2002	GD Đặc biệt	SVKT
10	47.01.904.016	Hồ Ngọc	Trang	29/11/2002	GD Đặc biệt	SVKT
11	47.01.904.077	Phạm Tấn	Phát	05/11/2003	GD Đặc biệt	SVKT
12	47.01.611.022	Hoàng Thị	Nga	13/11/2003	Tâm lý học	DTTS+HN
13	48.01.401.113	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Phuong	23/02/2004	SP KHTN	CTB
14	48.01.608.066	Nguyễn Việt	Thành	08/10/2004	Quốc tế học	CTB
15	48.01.751.020	Vũ Thành	Danh	18/11/2003	NN Anh	CTB
16	48.01.754.106	Nguyễn Thị Cẩm	Nhàn	08/04/2004	NN Trung Quốc	CTB
17	48.01.755.087	Nguyễn Đặng Thanh	Tâm	28/02/2004	NN Nhật	CTB
18	48.01.904.042	Hà Thị Mỹ	Phuong	20/05/2004	GD Đặc biệt	CTB
19	48.01.601.001	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	27/08/2003	SP Ngữ văn	CTB
20	48.01.617.083	Vũ Thị Bích	Vân	08/03/2004	Giáo dục học	MCCM
21	48.01.104.098	Nguyễn Phúc	Nguyên	05/06/2003	CN Thông tin	SVKT
22	48.01.611.024	Võ Hoàng	Khang	06/11/2003	Tâm lý học	SVKT
23	48.01.611.058	Nguyễn Thành	Phát	30/12/2004	Tâm lý học	SVKT
24	48.01.611.062	Đặng Lê Minh	Quang	25/04/2004	Tâm lý học	SVKT
25	48.01.614.088	Lưu Nhật	Vũ	03/11/2001	Tâm lý học	SVKT
26	48.01.901.176	Lê Thị Hồng	Nhung	01/10/2004	GD Tiểu học	SVKT
27	48.01.904.062	Hồ Thị Ái	Vy	31/05/2003	GD Đặc biệt	SVKT
28	48.01.608.010	Nguyễn Thảo	Đan	18/02/2004	Quốc tế học	SVKT
29	48.01.603.015	Y Tương	MLô	19/07/2003	SP Địa lý	DTTS+HN
30	48.01.618.007	Lê Thị	Hằng	23/12/2004	GD Công dân	DTTS+HN
31	48.01.754.095	Hoàng Thị Thuý	Ngân	26/03/2004	NN Trung Quốc	DTTS+HN
32	48.01.901.136	Thông Thị Diệu	Ngân	06/07/2004	GD Tiểu học	DTTS+HN
33	49.01.101.066	Lê Thị Thanh	Nhàn	14/12/2005	SP Toán học	CBB
34	49.01.301.032	Tổng Phạm Tú	Uyên	03/11/2005	SP Sinh học	CTB
35	49.01.606.091	Nguyễn Minh	Trí	15/06/2005	Văn học	CTB
36	49.01.756.029	Phan Thuỷ Bảo	Hân	07/10/2005	NN Hàn Quốc	CTB

37	49.01.901.123	Lê Thị Huỳnh	Lộc	23/03/2005	GD Tiểu học	CTB
38	49.01.753.034	Đinh Thị Mỹ	Ly	02/02/2005	NN Pháp	CBB
39	49.01.607.075	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	10/01/2005	Việt Nam học	MCCM
40	49.01.611.001	Dương Văn	Khanh	12/05/1997	Tâm lý học	SVKT
41	49.01.756.094	Nguyễn Anh	Vũ	18/08/2005	NN Hàn Quốc	SVKT
42	49.01.614.001	Phạm Trường Gia	Hân	24/06/2003	TLH GD	SVKT
43	49.01.611.095	Từ Thị Linh	Tri	26/05/2005	Tâm lý học	DTTS+HN
44	49.01.619.017	Thị	Khiển	10/05/2005	Du lịch	DTTS+HN
45	49.01.754.047	Hoàng Thị	Hồng	11/09/2005	NN Trung Quốc	DTTS+HN
46	49.01.904.023	Dương Thị Thúy	Nga	18/04/1997	GD Đặc biệt	SVKT
47	49.01.101.026	Nguyễn Phạm Thế	Duy	15/07/2004	SP Toán học	SVKT
48	49.01.612.026		Ham	02/03/2005	Tâm lý học	DTTS+HN
49	50.01.754.029	Cung Thị Bích	Hân	18/04/2006	NN Trung Quốc	DTTS+HN
50	50.01.612.072	Lý En	Si	28/11/1997	Tâm lý học	SVKT
51	50.01.756.082	Phan Ngọc Sông	Thu	11/01/2006	NN Trung Quốc	CTB
52	50.01.611.015	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/09/2005	Tâm lý học	SVKT
53	50.01.904.004	Lưu Quế	Chi	05/06/2006	GD Đặc biệt	SVKT
54	50.01.904.034	Nguyễn Việt	Ngân	02/02/2001	GD Đặc Biệt	SVKT
55	50.01.611.053	Nguyễn Thanh	Ngân	08/06/2005	Tâm lý học	SVKT
56	50.01.901.076	K' Thị Ngọc	Huyền	11/12/2005	GD Tiểu học	DTTS+HN
57	50.01.901.215	Trương Thị Thu	Trang	23/03/2005	GD Tiểu học	DTTS+HN
58	50.01.701.090	Hắc Hồng	Phong	21/05/2005	SP Tiếng Anh	DTTS+HN
59	50.01.901.063	Hồ Thị	Hiền	21/01/2005	GD Tiểu học	DTTS+HN
60	50.01.901.176	Hồ Thị	Sanh	15/05/2005	GD Tiểu học	DTTS+HN
61	50.01.901.204	Hồ Thị	Thuyết	15/01/2005	GD Tiểu học	DTTS+HN
62	50.01.901.069	Thò Y	Hoa	18/08/2006	GD Tiểu học	DTTS+HN
63	50.01.904.010	Nguyễn Văn	Duy	06/07/2006	GD Đặc biệt	SVKT
64	50.01.904.030	Lương Thị Kim	Ngân	03/07/2006	GD Đặc biệt	DTTS+HN
65	50.01.902.149	Kiên Thị Phương	Thuận	10/02/2006	GD Mầm non	DTTS+HN
66	50.01.754.157	Vương Thị	Thắm	23/02/2005	NN Trung Quốc	DTTS+HN
67	50.01.754.116	Hoàng Thị Yên	Nhi	11/01/2005	NN Trung Quốc	DTTS+HN
68	50.10.902.054	Thạch Thị Thảo	Trâm	17/12/2005	GD Mầm non	DTTS+HN
69	50.11.901.112	Trần Nguyễn Anh	Thư	09/12/2006	GD Tiểu học	SVKT
70	48.01.601.001	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	27/08/2003	SP Ngữ văn	CTB

Danh sách có 70 sinh viên. *T. Đức*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn